TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các *Hội thẩm nhân dân:*
Ông Nguyễn Lâm Tới;
Ông Múth So Ny.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** Bà Neàng Sa Men– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc *"Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Mộng T, sinh năm 1983, nơi cư trú: số 228, đường C, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Hữu T1, sinh năm 1976, nơi cư trú: số 228, đường C, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện lại ngày 11 tháng 9 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Mộng T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông T1 chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 11 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T. Sau khi cưới vợ chồng sống tại khóm X, thị trấn T, huyện T. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do ông T1 thường xuyên đi chơi Casino, không lo cho vợ con. Năm 2017 bà T đã có khởi kiện xin ly hôn, nhưng để tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên bà đã xin rút đơn đến nay vẫn không cải thiện được, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Hữu T1.

Về con chung: Có hai con chung tên Đỗ Hào K, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2003 và Đỗ Hùng T, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2010. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Đỗ Hữu T1 có ý kiến trình bày như sau*:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà T, ông cho rằng cuộc sống hôn nhân lúc đầu rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 đến nay thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả, bất đồng quan điểm, có một phần nguyên nhân do vợ (bà T) có xảy ra mâu thuẫn với ba mẹ và các anh chị em trong gia đình ông T1. Tuy nhiên, do còn thương vợ và con, mong muốn được đoàn tụ, nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Đỗ Hào K, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2003 và Đỗ Hùng T, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2010. Tùy theo nguyện vọng của con, nếu con đồng ý sống với tôi thì không yêu cầu cấp dưỡng, còn sống với bà T tôi cũng không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- *Ý kiến của cháu Đỗ Hào K trong quá trình giải quyết*: Nếu cha mẹ ly hôn có nguyện vọng được sống với mẹ Lê Thị Mộng T.

- *Ý kiến của cháu Đỗ Hùng T trong quá trình giải quyết:* Nếu cha mẹ ly hôn có nguyện vọng được sống với cha Đỗ Hữu T1. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay cháu K thay đổi ý kiến, có nguyện vọng được sống với mẹ Lê Thị Mộng T.

* *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân thủ pháp luật*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định tại các điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Giữa bà T và ông T1 đi đến hôn nhân là tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Ông T1 có nguyện vọng được hàn gắn tình cảm vợ chồng, còn bà T đã từng xin ly hôn và rút đơn, để tạo cơ hội cho vợ chồng đoàn tụ, đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do ông T1 thường xuyên chơi đá gà ở Casino, điều này cũng phù hợp với lời khai của bà T. Thấy rằng hôn nhân giữa bà T và ông T1 không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt.

Về con chung: Đỗ Hào K, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2003 và Đỗ Hùng T, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2010. Đến nay cháu K đã trên 15 tuổi và cháu T đã trên 8 tuổi, đều có nguyện vọng sống với mẹ, nên khi xem xét giao con chung cũng xem xét đến nguyện vọng của con. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 và khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mộng T.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Đỗ Hữu T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa bà T và ông T1 đi đến hôn nhân là tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A ngày 21 tháng 11 năm 2002, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Ông T1 có nguyện vọng được hàn gắn tình cảm vợ chồng, năm 2017 bà T đã có xin ly hôn và rút đơn, để tạo cơ hội cho vợ chồng đoàn tụ, đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Theo xác minh tại Công an thị trấn T ngày 25 tháng 10 năm 2018, cho biết nguyên nhân vợ chồng ông T1 và bà T mâu thuẫn, do ông T1 thường xuyên chơi đá gà ở Casino, nhiều lần về xin tiền gia đình để trả nợ, điều này phù hợp với lời khai của bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà T và ông T1 không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, nên bà T xin ly hôn là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Đỗ Hào K, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2003 và Đỗ Hùng T, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2010, bà T yêu cầu được quyền nuôi hai con chung. Tại thời điểm xét xử, cháu K đã trên 15 tuổi và cháu T đã trên 8 tuổi, đều có nguyện vọng sống với mẹ, nên khi giao con chung cũng xem xét đến nguyện vọng của con. Do đó, cần giao con chung Đỗ Hào K và Đỗ Hùng T cho bà Lê Thị Mộng T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng và quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Mộng T không yêu cầu, nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Lê Thị Mộng T và ông Đỗ Hữu T1 khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Mộng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch. Ông Đỗ Hữu T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Mộng T đối với ông Đỗ Hữu T1.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Mộng T và ông Đỗ Hữu T1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Đỗ Hào K, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2003 và Đỗ Hùng T, sinh ngày 13 tháng 2 năm 2010 cho bà Lê Thị Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Đỗ Hữu T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Mộng T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đỗ Hữu T1 quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Mộng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số:

TU/2016/0009433 ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã A;
- Lưu HS & VP.

Võ Thị Ngọc Mỹ